TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN U MINH** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 27 - 4 - 2023
Về việc tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH TỈNH CÀ MAU.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Mộng Chi.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Thanh Trần

Bà Lê Thị Quyền

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Lụa, Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Ngày 27 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 63/2023/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2023 về việc *"Tranh chấp ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1978 (xin vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp 6, xã Khánh L, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau

- *Bị đơn:* Ông Thái Tô S, sinh năm 1976 (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp 6, xã Khánh L, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại biên bản hòa giải ngày 22/3/2023 nguyên đơn bà Nguyễn Thị Th trình bày:

Về hôn nhân: Năm 2004 được sự đồng ý của gia đình hai bên bà và ông Thái Tô S làm đám cưới và tự nguyện chung sống với nhau đến năm 2008 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Khánh Lâm, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau. Sau khi cưới vợ chồng chung sống có hai đứa con nhưng thời gian gần đây vợ chồng xảy ra nhiều bất đồng; vợ chồng không có sự quan tâm nhường nhịn nhau. Xét thấy vợ chồng không còn tình cảm, cuộc sống không còn hạnh phúc nên bà yêu cầu ly hôn với ông Thái Tô S.

Về con chung: Có được 02 người con chung tên Thái Thị Ngọc Tr, sinh ngày 10/12/2004 và Thái Chí H, sinh ngày 20/04/2007. Đối với con chung Thái Thị Ngọc Tr đã trưởng thành nên không yêu cầu, đối với Thái Chí H có nguyện vọng chung sống với ai thì người đó nuôi còn chung sống với bà thì bà nuôi không yêu cầu ông

S cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung bà xác định không có nên không yêu cầu.

- Tại biên bản hòa giải ngày 22/3/2023 bị đơn ông Thái Tô S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân, thời gian chung sống đúng như bà Nguyễn Thị Th trình bày nhưng vợ chồng chỉ có mâu thuẫn nhỏ. Vợ chồng không thể tiếp tục chung sống do đó bà Nguyễn Thị Th yêu cầu ly hôn bà đồng ý ly hôn với bà Nguyễn Thị Th.

Về con chung: Có được 02 người con chung tên Thái Thị Ngọc Tr, sinh ngày 10/12/2004 và Thái Chí H, sinh ngày 20/04/2007. Đối với con chung Thái Thị Ngọc Tr đã trưởng thành nên không yêu cầu, đối với Thái Chí H có nguyện vọng sống với bà Th thì ông đồng ý giao con chung cho bà Th nuôi dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng, quan hệ tranh chấp: Bà Nguyễn Thị Th yêu cầu được ly hôn với ông Thái Tô S tranh chấp được xác định là tranh chấp hôn nhân gia đình về việc ly hôn thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà Th yêu cầu xin vắng mặt, ông S đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1, khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bà Th, ông S theo quy định.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Th và ông Thái Tô S làm đám cưới chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện vào năm 2004 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Khánh Lâm, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau theo quy định nên quan hệ hôn nhân của bà Th và ông S là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Bà Th yêu cầu ly hôn với ông S vì bà Th xác định quá trình chung sống vợ chồng luôn phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng không tôn trọng và nhường nhịn nhau nên thường xuyên cự cãi, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn nên đã ly thân, ông S cũng đồng ý ly hôn với bà Th. Từ đó cho thấy cuộc sống hôn nhân của bà Th và ông S không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Th ly hôn với ông S.

[3] Về nuôi con chung: Bà Nguyễn Thị Th và ông Thái Tô S có hai con chung tên Thái Thị Ngọc Tr, sinh ngày 10/12/2004 và Thái Chí H, sinh ngày 20/04/2007. Xét thấy, đối với con chung Thái Thị Ngọc Tr bà Th và ông S đều xác định đã trưởng thành không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét; đối với con chung Thái Chí H hiện bà Th đang nuôi dưỡng và có nguyện vọng được sống cùng với bà Th, ông S đồng ý giao con chung Thái Chí H cho bà Th nuôi dưỡng. Do đó, để đảm bảo quyền lợi con chung khi cha mẹ ly hôn Hội đồng xét xử giao con chung tên Thái Chí H cho bà Th tiếp tục nuôi dưỡng. Ông S không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Th không yêu cầu nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Th và ông S xác định tài không có không

yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Th phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; khoản 1, khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Th. Bà Nguyễn Thị Th được ly hôn với ông Thái Tô S.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung tên Thái Chí H, sinh ngày 20/4/2007 cho bà Nguyễn Thị Th tiếp tục nuôi dưỡng. Ông S không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Không xem xét.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

5. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Th phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng. Bà Nguyễn Thị Th đã nộp tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010992 ngày 24 tháng 02 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh, tỉnh Cà Mau chuyển thu án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện U Minh;
- Chi cục THADS huyện U Minh;
- Các đương sự;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu: hồ sơ vụ án, văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Mộng Chi